

SỰ TÁC ĐỘNG CỦA HOẠT ĐỘNG ĐOÀN THANH NIÊN ĐẾN THÀNH TÍCH HỌC TẬP: MỘT NGHIÊN CỨU VỀ SINH VIÊN NGÀNH KINH TẾ

THE IMPACT OF YOUTH UNION ACTIVITIES ON ACADEMIC
PERFORMANCE: A STUDY OF ECONOMICS STUDENTS
ĐẶNG HÀ DUYÊN*, HOÀNG THỊ THANH HIỀN, NGUYỄN ĐỨC HUY,
TRỊNH VIỆT ĐỨC, PHẠM TRUNG KIÊN, LÊ MẠNH HÙNG

Khoa Kinh tế, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam

*Email liên hệ: duyen97359@st.vimaru.edu.vn

Tóm tắt

Hoạt động Đoàn thanh niên được xem là môi trường giúp sinh viên phát triển toàn diện cả về học thuật và kỹ năng mềm. Tuy nhiên, còn nhiều ý kiến hoài nghi về sự ảnh hưởng của nó, đặc biệt là tác động trực tiếp đến kết quả học tập. Đề tài này nhằm tìm hiểu mối quan hệ giữa mức độ tham gia hoạt động Đoàn và thành tích học tập của các sinh viên thông qua 280 trường hợp khảo sát đang học tập trong ngành Kinh tế tại trường Đại học Hàng hải Việt Nam. Bằng phương pháp xây dựng mô hình hồi quy, kết quả cho thấy có 02 yếu tố từ hoạt động Đoàn (số hoạt động Đoàn tham gia, số giờ tham gia hoạt động Đoàn) và 03 yếu tố quan trọng khác (điểm thi đầu vào, số lượng môn học và số giờ tự học) tác động đến kết quả học tập. Trong đó, số giờ tham gia hoạt động Đoàn và số giờ tự học có tác động đáng kể nhất.

Từ khóa: Hoạt động Đoàn thanh niên, thành tích học tập, ngành kinh tế.

Abstract

Youth Union activities are considered an environment that helps students develop comprehensively in both academics and soft skills. However, there are still doubts about their impact, particularly their direct effect on academic performance. This study aims to explore the relationship between the level of participation in Youth Union activities and students' academic achievements through a survey of 280 Economics students at Vietnam Maritime University. Using a regression model, the results indicate that 02 factors from Youth Union activities (the number of Youth Union activities participated in, hours spent on these activities) and other 03 important ones (entrance exam scores, the number of courses taken, self-study hours) influence academic

performance. Among these, hours spent on Youth Union activities and self-study hours have the most significant impact.

Keywords: Youth Union Activities, academic performance, Economics.

1. Mở đầu

Hoạt động Đoàn thanh niên từ lâu đã trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống sinh viên, góp phần quan trọng vào việc bồi dưỡng phẩm chất, rèn luyện kỹ năng và xây dựng môi trường học tập năng động. Qua phong trào tình nguyện, cuộc thi học thuật, hoạt động văn hóa - thể thao và hội thảo chuyên đề, sinh viên không chỉ có cơ hội phát triển tư duy sáng tạo, khả năng lãnh đạo, làm việc nhóm mà còn được rèn luyện và trau dồi kỹ năng giao tiếp, xử lý tình huống - những yếu tố then chốt giúp nâng cao thành tích học tập và thành công trong sự nghiệp sau này.

Dù có một số tranh cãi về sự khác biệt giữa hoạt động Đoàn thanh niên và hoạt động ngoại khóa nhưng với đặc thù Đoàn thanh niên đóng vai trò như một tổ chức quản lý, định hướng phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên trong trường đại học tại Việt Nam, nhiều hoạt động ngoại khóa như vui chơi, văn hóa, văn nghệ, câu lạc bộ sở thích được công nhận như hoạt động Đoàn [1], [2]. Một số nghiên cứu trước đây chỉ ra rằng sinh viên tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa có xu hướng phát triển tốt hơn về tư duy phản biện, học tập chủ động, thích nghi môi trường. Theo tác giả Astin (1999), thành tích học tập và sự phát triển cá nhân của sinh viên có thể được thúc đẩy qua các hoạt động ngoại khóa [3]. Ngoài ra, một nghiên cứu do nhóm tác giả Burrows và McCormack (2011) thực hiện cho thấy việc tham gia vào các hoạt động ngoại khóa giúp sinh viên phát triển tư duy tích cực, nâng cao sự tự tin và cải thiện kỹ năng giải quyết vấn đề trong quá trình học tập [4].

Tuy nhiên, một số ý kiến không đồng quan điểm cho rằng việc dành nhiều thời gian cho các hoạt động

Đoàn - Hội có thể khiến sinh viên sao nhãng việc học, ảnh hưởng đến điểm số và thành tích học tập. Điều này đến từ thực trạng nhiều sinh viên quá mải mê với các phong trào, sự kiện mà quên mất nhiệm vụ chính là học tập, dẫn đến giảm sút kết quả học tập. Theo nghiên cứu được thực hiện bởi tác giả Reeves (2008), phụ huynh và giảng viên lo lắng rằng sinh viên có thể mất tập trung vào việc học nếu dành quá nhiều thời gian cho các hoạt động ngoại khóa [5]. Việc tham gia quá nhiều buổi sinh hoạt, hội nghị hay tổng duyệt có thể làm giảm thời gian học bài và hoàn thành bài tập về nhà [5]. Điều này dễ khiến sinh viên rơi vào tình trạng quá tải, gặp khó khăn trong việc cân bằng giữa học tập và các hoạt động khác.

Dù vấn đề tranh cãi trên được nhận thức nhưng chưa có một nghiên cứu thực nghiệm rõ ràng về nó. Một nghiên cứu về các yếu tố của hoạt động Đoàn và thành tích học tập có thể kiểm chứng vấn đề trên cũng như góp phần sự thúc đẩy, phát triển hoạt động Đoàn, khuyến khích một bộ phận sinh viên không có sự quan tâm tới hoạt động này thay đổi quan điểm. Xuất phát từ thực tiễn đó, nhóm tác giả tiến hành nghiên cứu này nhằm đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố liên quan đến hoạt động Đoàn đối với thành tích học tập của sinh viên. Các câu hỏi nghiên cứu cần giải quyết: Đây là các yếu tố liên quan đến hoạt động Đoàn có thể ảnh hưởng đến thành tích học tập của sinh viên? Yếu tố nào sẽ tác động nhiều nhất đến thành tích học tập?

2. Các yếu tố ảnh hưởng đến thành tích học tập của sinh viên

Thành tích học tập ở trường đại học có thể được ghi nhận dưới nhiều hình thức như giải thưởng, học bổng, danh hiệu,... nhưng kết quả học tập của sinh viên phản ánh rõ mức độ đo lường thành tích nhất [6]. Thang đo kết quả này (thang 10 điểm hoặc thang 4 điểm) đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ rõ [7]. Liên quan đến thành tích trên, có nhiều yếu tố khác nhau ít nhiều ảnh hưởng đến, ví dụ năng lực truyền đạt của giảng viên, đặc điểm cá nhân của sinh viên và chất lượng cơ sở đào tạo.

2.1. Nhóm yếu tố chính

Tần suất tham gia hoạt động Đoàn theo kỳ

Việc tham gia hoạt động Đoàn có thể giúp sinh viên phát triển kỹ năng mềm, tư duy lãnh đạo, khả năng làm việc nhóm, mở rộng mối quan hệ, đây là những kỹ năng quan trọng, tạo động lực cho sự ham học hỏi, từ đó có thể hỗ trợ kết quả học tập [1], [2]. Nhóm tác giả Nguyễn Thị Thu An và cộng sự (2016) đồng tình quan điểm này [8].

Giả thuyết H1: Tần suất tham gia hoạt động Đoàn theo kỳ có tác động tích cực đến điểm trung bình học tập.

Thời gian trung bình tham gia hoạt động Đoàn

Vì sở thích của mỗi sinh viên khác nhau nên sẽ có một số hoạt động được ưu tiên tham gia, đồng nghĩa số lượng hoạt động Đoàn một sinh viên tham gia rất ít nhưng số thời gian dành ra rất nhiều. Khi đó, sinh viên này có thể có mức độ tham gia tương đồng với các sinh viên tham gia nhiều hoạt động Đoàn. Do vậy, sự ảnh hưởng của tổng thời gian sinh viên dành cho các hoạt động Đoàn đối với thành tích học tập cần lưu ý [9].

Giả thuyết H2: Thời gian trung bình tham gia hoạt động Đoàn có tác động tích cực đến điểm trung bình học tập.

2.2. Nhóm yếu tố kiểm soát

Giới tính

Theo Farooq et al. (2011), Nguyễn Thùy Dung và cộng sự (2017), Nguyễn Thị Thu An và cộng sự (2016), nữ sinh có xu hướng đạt điểm cao hơn do tính kỷ luật và chiến lược học tập tốt hơn, trong khi nam sinh biểu hiện trái ngược [8], [10], [11]. Raychaudhuri et al. (2010), Nguyễn Mạnh Hùng và cộng sự (2020) cũng nhận định điều này nhưng có bổ sung sự khác biệt theo từng môi trường học tập [12], [13].

Giả thuyết H3: Có sự khác biệt về điểm trung bình học tập giữa nam và nữ.

Năm học

Sinh viên ở các năm học khác nhau có thể có kết quả học tập khác nhau do sự khác biệt về khối lượng học tập, kinh nghiệm, khả năng thích nghi với môi trường đại học [11]. Càng năm cuối, sinh viên càng nhiều phương pháp học hiệu quả, cân bằng cuộc sống, và có kết quả học tốt hơn.

Giả thuyết H4: Điểm trung bình học tập có sự khác biệt giữa các năm học.

Điểm thi đầu vào

Điểm thi đầu vào thường được coi là một thước đo khả năng nhận thức vấn đề của sinh viên trước khi học tập tại trường đại học. Điều này có thể là kết quả của môi trường, nền tảng giáo dục trước đó từ gia đình [10]. Theo đó, sinh viên có thành tích học tốt thường có điểm thi đầu vào cao [8], [11], [13].

Giả thuyết H5: Điểm thi đầu vào có tác động tích cực đến điểm trung bình học tập.

Loại hình cư trú

Sinh viên có thể có thành tích không tốt bằng nếu quá trình học tập tại trường đại học bị ảnh hưởng bởi

Bảng 1. Tổng hợp cơ sở lý thuyết về các yếu tố ảnh hưởng đến thành tích học tập

Yếu tố	Nguồn
Giới tính	Farooq et al. (2011), Raychaudhuri et al. (2010), Nguyễn Thùy Dung và cộng sự (2017), Nguyễn Thị Thu An và cộng sự (2016), Nguyễn Mạnh Hùng và cộng sự (2020)
Năm học	Nguyễn Thùy Dung và cộng sự (2017)
Điểm thi đầu vào	Farooq et al. (2011), Nguyễn Thùy Dung và cộng sự (2017), Nguyễn Thị Thu An và cộng sự (2016), Nguyễn Mạnh Hùng và cộng sự (2020)
Loại hình cư trú	Raychaudhuri et al. (2010), Nguyễn Thị Thu An và cộng sự (2016), Nguyễn Mạnh Hùng và cộng sự (2020)
Số hoạt động Đoàn tham gia theo kỳ	Nguyễn Thị Thu An và cộng sự (2016), Lê Văn Hào (2016), Trần Thị Thúy Ngọc, Nguyễn Thế Vinh (2021)
Số lượng môn học trong kỳ	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021)
Thời gian trung bình tham gia hoạt động	Phùng Thị Thu Trang (2019)
Số giờ tự học trung bình	Nguyễn Thị Thu An và cộng sự (2016), Nguyễn Thùy Dung và cộng sự (2017)
Điểm trung bình học tập	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021)

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả.

các vấn đề kinh tế [12]. Một trong các vấn đề đó là nơi cư trú ổn định hay thay đổi theo giai đoạn, đã được Nguyễn Thị Thu An và cộng sự (2016), Nguyễn Mạnh Hùng và cộng sự (2020) chỉ ra [8], [13].

Giả thuyết H6: Có sự khác biệt về điểm trung bình học tập giữa sinh viên có loại hình cư trú khác nhau.

Số lượng môn học trong kỳ

Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), các trường đại học được quyền lựa chọn một trong hai hình thức tổ chức đào tạo: Tín chỉ và niên chế [7]. Quyền tự chủ của sinh viên được đề cao trong hình thức đầu tiên, khi sinh viên có thể đăng ký số lượng môn học phù hợp với năng lực bản thân, điều này phản ánh khả năng học tập, khối lượng thời gian học, áp lực học tập. Do vậy, một quy định về giới hạn trên và dưới cho thời gian học tập được đưa ra để đảm bảo kết quả đầu ra của sinh viên [7].

Giả thuyết H7: Số lượng môn học trong kỳ có tác động tiêu cực đến điểm trung bình học tập.

Tổng số giờ tự học trung bình

Nhóm tác giả Nguyễn Thị Thu An và cộng sự (2016) cho rằng thời gian tự học là một trong những yếu tố quan trọng quyết định kết quả học tập của sinh viên [8]. Quỹ thời gian này dao động bởi nhiều bởi một số loại thời gian khác như tự tổ chức học, tham gia hoạt động Đoàn, tham gia học trên lớp, sử dụng thư viện, lướt mạng [8], [11]. Sinh viên dành nhiều thời gian tự học có khả năng nắm bắt kiến thức tốt hơn, từ đó đạt điểm trung bình cao hơn.

Giả thuyết H8: Số giờ tự học trung bình có tác

động tích cực đến điểm trung bình học tập.

Từ cơ sở nghiên cứu trên, kết hợp với khảo sát sơ bộ và thảo luận với các chuyên gia, nhóm tác giả đề xuất các yếu tố ảnh hưởng trong Bảng 1. Trong đó, yếu tố liên quan đến hoạt động Đoàn thanh niên được đề cập như một khoảng trống mà chưa có nghiên cứu nào trước đó quan tâm.

3. Phương pháp nghiên cứu

Mô hình hồi quy là một công cụ thống kê quan trọng giúp phân tích dữ liệu, hỗ trợ ra quyết định đa yếu tố, được áp dụng trong nhiều lĩnh vực thực tế [14]. Theo Tabachnick và Fidell (2007), để phân tích hồi quy đa biến kích cỡ mẫu tối thiểu được xác định theo công thức dưới đây với P là số biến độc lập [15]:

$$N = 50 + 8 \cdot P \quad (1)$$

Phương pháp kiểm định tương quan Pearson cho phép đo lường mức độ liên quan giữa hai biến định lượng, thậm chí cho biết khả năng tương quan tuyến tính nếu hệ số r (hệ số tương quan) cao [16]. Hệ số trên có khoảng giá trị từ -1 đến +1, nếu đạt giá trị cao (tiệm cận giá trị 1) thì hai biến tương quan tuyến tính, nếu tiệm cận giá trị 0 thì hai biến không liên quan [16].

Nhóm tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng để xác định các yếu tố từ hoạt động Đoàn tác động đến thành tích học tập của sinh viên. Với nghiên cứu này, nhóm tác giả đã xây dựng mô hình gồm 8 biến độc lập, do đó kích thước mẫu tối thiểu là: $N = 50 + 8 \cdot 8 = 114$ (mẫu). Trong phạm vi Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, nhóm tác giả thu thập thông tin của 280 sinh viên, thuộc các chuyên ngành kinh tế

khác nhau bằng khảo sát trực tuyến. Để trả lời câu hỏi đặt ra ban đầu, nghiên cứu đã xây dựng mô hình với 01 giá trị mục tiêu là điểm trung bình học tập theo thang điểm 10 (GPA), và 08 biến độc lập được mã hóa như sau: Giới tính (GT), năm học (NH), điểm thi đầu vào (DTDV), loại hình cư trú (LHCT), tần suất tham gia hoạt động theo kỳ (SHDD), số lượng môn học trong kỳ (SLMH), thời gian trung bình tham gia hoạt động (SGTG), tổng số giờ tự học trung bình (SGTH).

Thông qua phần mềm SPSS, dữ liệu sau khi thu thập được nhóm tác giả đồng bộ để đáp ứng dữ liệu thời gian và phân tích thống kê mô tả. Tiếp đó, nghiên cứu xem xét và kiểm tra mối quan hệ thống kê giữa các biến độc lập và biến phụ thuộc bằng cách sử dụng phân tích tương quan Pearson. Cuối cùng, nhóm tác giả xây dựng phương trình hồi quy tuyến tính đa biến để xác định mức độ tác động của 08 yếu tố đã đề cập trên đến giá trị nhóm tác giả quan tâm.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thống kê mô tả

Phạm vi khảo sát được tập trung vào các sinh viên hiện đang học tập theo các chuyên ngành Kinh tế. Với 280 trường hợp sinh viên từ năm học thứ nhất đến năm học thứ 4 tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam đã tham gia khảo sát trực tuyến Google form, dữ liệu thu thập đầy đủ theo nhiều góc độ (giới tính, năm học, loại hình cư trú, số lượng người tham gia hoạt động Đoàn, các hoạt động Đoàn sinh viên đã tham gia) ở Bảng 2.

Bảng 2. Thống kê mô tả dữ liệu thu thập

	Nhóm mẫu	Số lượng sinh viên	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	76	27,1
	Nữ	204	72,9
Năm học	Năm 1	2	0,7
	Năm 2	214	76,4
	Năm 3	56	20,0
	Năm 4	8	2,9
Loại hình cư trú	Ở ký túc	14	5,0
	Ở trọ	64	22,9
	Sống cùng gia đình	202	72,1
Tham gia hoạt động Đoàn	Có	120	42,9
	Không	160	57,1
Hoạt động Đoàn	Cuộc thi học thuật	32	9,4
	Tình nguyện vì cộng đồng	68	20,0
	Tham dự các chương trình Hội thảo, Workshop	74	21,8
	Văn hóa, văn nghệ	48	14,1
	Thể dục, thể thao	38	11,2
	Câu lạc bộ	80	23,5

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả.

Nhằm làm rõ mối liên hệ giữa mức độ tham gia hoạt động Đoàn và kết quả học tập giữa hai nhóm đối tượng (có tham gia Đoàn Hội và không tham gia Đoàn Hội), một số yếu tố được so sánh theo giá trị trung bình trong Bảng 3.

Bảng 3. So sánh các yếu tố giữa hai nhóm sinh viên

Yếu tố	Đơn vị	Có tham gia	Không tham gia
Điểm trung bình học tập	Điểm/kỳ	8,02	7,48
Điểm thi đầu vào	Điểm	25,16	24,58
Số lượng môn học	Học phần/kỳ	6,63	6,78
Số giờ tự học	Giờ/kỳ	181,15	145,71
Số hoạt động Đoàn	Hoạt động/kỳ	4,73	0,00
Số giờ tham gia hoạt động Đoàn	Giờ/kỳ	45,96	0,00

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả.

Từ Bảng 3, dễ thấy, sinh viên trong nhóm có tham gia Đoàn Hội có thành tích tốt hơn, cụ thể là điểm học tập và thời gian tự học. Điều này chứng tỏ có sự khác biệt giữa hai nhóm, có căn cứ để tiến hành xây dựng mô hình hồi quy để kiểm chứng nhận định này.

Bảng 4. Kết quả tương quan Pearson giữa các biến của mô hình

Nhóm mẫu		GPA	GT	DTDV	SLMH	SGTH	NH	SHDD	SGTG	LHCT
GPA	Hệ số	1	,106	,395	,209	,656	-,089	,216	,296	-,070
	Sig.		,077	,000	,009	,000	,139	,000	,000	,246
	Quan sát	280	280	280	280	280	280	280	280	280
GT	Hệ số		1	,053	,045	,159	-,237	-,043	-,021	-,081
	Sig.			,380	,456	,058	,070	,474	,731	,176
	Quan sát		280	280	280	280	280	280	280	280
DTDV	Hệ số			1	,075	,162	,043	,239	,301	-,094
	Sig.				,213	,067	,470	,160	,234	,116
	Quan sát			280	280	280	280	280	280	280
SLMH	Hệ số				1	-,007	-,022	,002	,004	,060
	Sig.					,908	,714	,977	,951	,319
	Quan sát				280	280	280	280	280	280
SGTH	Hệ số					1	-,057	,136	,198	-,060
	Sig.						,338	,083	,071	,316
	Quan sát					280	280	280	280	280
NH	Hệ số						1	,029	,016	,016
	Sig.							,634	,786	,789
	Quan sát						280	280	280	280
SHDD	Hệ số							1	,909	-,002
	Sig.								,102	,975
	Quan sát							280	280	280
SGTG	Hệ số								1	-,002
	Sig.									,979
	Quan sát								280	280
LHCT	Hệ số									1
	Sig.									
	Quan sát									280

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả.

4.2. Phân tích tương quan Pearson

Để có ý nghĩa thống kê, các hệ số tương quan giữa các biến độc lập và biến phụ thuộc phải có giá trị $sig.<0,05$. Kết quả phân tích (Bảng 4) cho thấy 05 biến độc lập DTDV, SLMH, SGTH, SHDD và SGTG có mối liên hệ với biến mục tiêu GPA và đều tương quan thuận do hệ số Pearson dương. Trong đó, biến SGTH có mức tương quan mạnh khi có hệ số đạt 0,656, gấp khoảng 2 đến 3 lần so với các hệ số còn lại. Ngoài ra, các hệ số cũng cho biết khó tồn tại khả năng tự tương quan giữa các biến.

4.3. Phân tích hồi quy tuyến tính

Căn cứ vào kết quả hồi quy thể hiện ở Bảng 5, có thể kết luận rằng mô hình lý thuyết phù hợp với dữ liệu. Các biến độc lập đều có tác động ý nghĩa lên biến phụ thuộc ($sig.<0,05$), đồng nghĩa chấp nhận các giả thuyết H1, H2, H5, H7, H8. Hệ số VIF nhỏ hơn 2, cho thấy

không tồn tại hiện tượng đa cộng tuyến trong mô hình.

Một khuyết tật không mong muốn xảy ra khi kiểm tra phần dư của mô hình trên với kiểm định Shapiro-Wilk. Kết quả giá trị $p<0,05$, cho biết phần dư này không tuân theo phân phối chuẩn, đồng nghĩa tồn tại khả năng giá trị sig. không chuẩn. Tuy nhiên, nhóm tác giả cân nhắc vấn đề về sự nhạy của các kiểm định phân phối khi không bỏ qua sự sai lệch nhỏ, đặc biệt với kích thước mẫu khá lớn như nghiên cứu này, 280 quan sát. Bên cạnh đó, mô hình 05 biến ở Bảng 5 được ghi nhận có hệ số R bình phương là 0,517 và số hiệu chỉnh là 0,478, cho thấy mô hình này có thể giải thích gần 50% sự thay đổi của biến phụ thuộc, cụ thể là điểm trung bình học tập của sinh viên. Do vậy, mô hình nên được chấp nhận ở mức tốt.

Yếu tố tác động mạnh nhất đến kết quả học tập là số giờ tự học ($Beta = 0,576$), tiếp đến là số giờ tham gia hoạt động Đoàn ($Beta = 0,25$), yếu tố tác động yếu

Bảng 5. Kết quả hồi quy giữa biến mục tiêu và 05 biến có tương quan

Mô hình	Hệ số chưa chuẩn hóa	Sai số chuẩn	Hệ số chuẩn hóa	t	Sig.	Dung sai	VIF
Hằng số	3,146	1,258		2,501	,014		
DTDV	,134	,052	,189	2,589	,011	,825	1,212
SLMH	,099	,048	,143	2,074	,040	,926	1,079
SGTH	,005	,001	,576	8,071	,000	,860	1,163
SHDD	-,070	,034	-,217	-2,059	,042	,395	1,534
SGTG	,009	,004	,250	2,311	,023	,374	1,675

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả.

nhất là số lượng môn học ($Beta = 0,143$). Bên cạnh đó, 04 biến đều có tác động tích cực đến biến GPA trong khi tần suất tham gia hoạt động theo kỳ trái ngược hoàn toàn. Hàm hồi quy của kết quả học tập được xây dựng như sau:

$$GPA = \beta' + 0,189*DTDV + 0,143*SLMH + 0,576*SGTH - 0,217*SHDD + 0,25*SGTG \quad (2)$$

Mô hình này có thể diễn giải các biến trên thực tế như sau: Nếu điểm thi đầu vào tăng 1 điểm thì GPA sẽ tăng 0,189 điểm; nếu số lượng môn học trong kỳ tăng 1 môn thì GPA sẽ tăng 0,143 điểm; nếu số giờ tự học trung bình tăng 1 giờ thì GPA tăng 0,576 điểm; nếu tăng thời gian trung bình tham gia hoạt động 1 giờ thì GPA tăng 0,25 điểm; nếu tăng tần suất tham gia lên 1 hoạt động thì GPA giảm 0,217 điểm. Với điểm thi đầu vào, số giờ tự học, thời gian trung bình tham gia hoạt động nhóm tác giả nhận thấy đúng kỳ vọng, tuy nhiên, nhóm tác giả có nghi ngờ về sự tăng tương đồng của số lượng môn học và GPA sẽ không chuẩn nếu sinh viên học quá tải học phần hoặc có sự không liên quan giữa hai yếu tố này vì sự tác động nhỏ nhất. Một vấn đề khác là số giờ tham gia hoạt động và tần suất tham gia hoạt động (số lượng hoạt động tham gia) không có tác động tương đồng đến GPA, nhóm tác giả nghi vấn thể loại hoạt động Đoàn là nguyên do.

5. Kết luận

Nhìn chung, nghiên cứu đã đạt được mục tiêu ban đầu là đánh giá mức độ tác động của các yếu tố liên quan đến hoạt động Đoàn đối với thành tích học tập của sinh viên. Thứ nhất, kết quả phân tích hồi quy tuyến tính cho thấy có 05 yếu tố bao gồm DTDV, SLMH, SGTH, SHDD và SGTG tác động trực tiếp đến thành tích học tập. Thứ hai, trong số các yếu tố tác động đến kết quả học tập của sinh viên, yếu tố “Số giờ tự học” có mức ảnh hưởng lớn nhất, có thể thấy rằng sinh viên dành nhiều thời gian tự học hơn có xu hướng đạt điểm trung bình học kỳ (GPA) cao hơn, phản ánh tầm quan trọng của việc chủ động trong học tập. Bên cạnh đó “Số giờ tham gia hoạt động Đoàn”

cũng có ảnh hưởng đáng kể, chứng tỏ hoạt động Đoàn mang lại kết quả tích cực cho sinh viên cả về kỹ năng mềm, động lực học tập, kỹ năng quản lý thời gian và tinh thần trách nhiệm. Ngược lại, “Số lượng môn học” có tác động thấp nhất đến GPA, đồng nghĩa dù đăng ký nhiều hay ít môn học thì sinh viên vẫn có thể đạt kết quả cao nếu biết cách phân bổ thời gian hợp lý và có phương pháp học tập hiệu quả.

Những phát hiện này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc kết hợp giữa học tập chủ động và tham gia hoạt động Đoàn một cách hợp lý để sinh viên có cơ hội được trải nghiệm, phát triển toàn diện cả về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Do đó, sinh viên không nên chỉ tập trung hoàn toàn vào việc học mà cần chủ động tham gia vào các hoạt động ngoại khóa để phát triển bản thân, tạo nền tảng vững chắc cho sự nghiệp và cuộc sống sau này. Đồng thời, việc duy trì sự cân bằng giữa các hoạt động ngoại khóa và thời gian tự học là yếu tố then chốt để tối ưu hóa thành tích học tập của sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lê Văn Hào (2016), *Phát huy vai trò của đoàn thanh niên và hội sinh viên trong trường đại học đối với yêu cầu phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên*, Tạp chí Khoa học - Đại học Huế, Tập 115, Số 01, tr.53-60.
- [2] Trần Thị Thúy Ngọc, Nguyễn Thế Vinh (2021), *Tỏa sáng giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác đoàn kết, tập hợp thanh niên và sự vận dụng của Đoàn thanh niên về đổi mới phương thức đoàn kết, tập hợp thanh niên tôn giáo*. Tạp chí Thanh niên nghiên cứu khoa học, Số 16, tr.27-30.
- [3] Astin, A.W. (1999), *Student involvement: a Developmental Theory for Higher Education*, Journal of College Student Development, Vol.40, No.5, pp.518-529.
- [4] Burrows and McCormack (2011), *School culture meets sport: A case study in New Zealand*,

- European Physical Education Review, Vol.17, No.3, pp.301-312.
- [5] Reeves, D.B. (2008), *The extracurricular advantage*, Education Leadership, pp.86-87.
- [6] Hồ Thị Trúc Quỳnh, Nguyễn Văn Bắc (2021), *Thành tích học tập và đau khổ tâm lý ở sinh viên Việt Nam: vai trò trung gian của căng thẳng học tập*. Tạp chí Tâm lý học, Số 8 (269), tr.36-45.
- [7] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học*. Hà Nội.
- [8] Nguyễn Thị Thu An, Nguyễn Thị Ngọc Thứ, Đinh Thị Kiều Anh và Nguyễn Văn Thành (2016), *Những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên năm I-II Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ*, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, Phần C: Khoa học Xã hội, Nhân văn và Giáo dục, Số 46, tr.82-89.
- [9] Phùng Thị Thu Trang (2019), *Phân tích các nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên khoa ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên*. Tạp chí Khoa học và công nghệ đại học Thái Nguyên, Số 206 (13), tr.79-84.
- [10] Farooq M.S., Chaudhry A.H., Shafiq M., and Berhanu G. (2011), *Factors affecting students' quality of academic performance: A case of secondary school level*, Journal of Quality and Technology Management, Vol.7, No.2, pp. 01-14.
- [11] Nguyễn Thùy Dung, Hoàng Thị Kim Oanh, Lê Đình Hải (2017), *Thực trạng và các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên Khoa Kinh tế và Quản trị Kinh doanh*, Trường Đại học Lâm nghiệp, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp, tr.134 -141.
- [12] Raychaudhuri, A., Debnath, M., Sen, S., & Majumder, B.G. (2010), *Factors affecting students' academic performance: A case study in Agartala municipal council area*, Bangladesh E-Journal of Sociology, Vol.7, No.2, pp.34-41.
- [13] Nguyễn Mạnh Hùng, Hoàng Thị Kim Thoa, Nguyễn Thanh Thiện, Phan Thị Bích Hạnh (2020), *Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên hệ chính quy tại Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế*, Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn, Tập 129, tr.137-150.
- [14] Pardoe, I. (2021), *Applied regression modeling*, 3rd ed. New Jersey: Wiley.
- [15] Tabachnick and Fidell (2007), *Using multivariate statistics*, 5th ed, Boston: Pearson Education.
- [16] Sedgwick, P.M. (2012), *Pearson's correlation coefficient*. The BMJ, pp.1-2.

Ngày nhận bài:	07/03/2025
Ngày nhận bản sửa:	30/03/2025
Ngày duyệt đăng:	02/04/2025